

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**TRẦN LÊ HÙNG**

**CÁC GIẢI PHÁP CHUYỂN DỊCH  
CƠ CẤU LAO ĐỘNG TRÊN ĐỊA BÀN  
HUYỆN NÚI THÀNH**

**Chuyên ngành: Kinh tế phát triển**  
**Mã số: 60.31.05**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ**

**Đà Nẵng - Năm 2011**

Công trình được hoàn thành tại  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. LÊ THẾ GIỚI**

Phản biện 1: **PGS.TS. BÙI QUANG BÌNH**

Phản biện 2: **PGS.TS. PHẠM HẢO**

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ kinh tế họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 17 tháng 12 năm 2011

*Có thể tìm hiểu luận văn tại:*

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài luận văn

Mục tiêu của huyện Núi Thành đến năm 2015 cơ bản trở thành huyện công nghiệp. Hiện tại theo số liệu thống kê, năm 2010 tỷ trọng về kinh tế của ngành nông nghiệp là 24,45%; ngành công nghiệp là 59,79%; ngành dịch vụ là 15,76%. Tuy nhiên, năm 2010 tỷ trọng lao động ngành nông nghiệp là 53,61%; ngành công nghiệp là 29,07%; ngành dịch vụ là 17,32%. Thực tế trên đòi hỏi huyện Núi Thành phải có những bước đột phá trên nhiều lĩnh vực đặc biệt là chuyển dịch mạnh cơ cấu lao động để đáp ứng yêu cầu của chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành. Với cơ cấu lao động còn ở trình độ thấp và lạc hậu, vấn đề có tính cấp thiết được đặt ra là phải có giải pháp đúng đắn nhằm đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng hợp lý, nghĩa là tăng nhanh tỷ trọng lao động trong ngành công nghiệp và dịch vụ nhằm đáp ứng yêu cầu mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành đến 2015.

Xuất phát từ những lý do trên, tác giả chọn đề tài nghiên cứu: ***“Các giải pháp chuyển dịch cơ cấu lao động trên địa bàn huyện Núi Thành”***

### 2. Mục tiêu nghiên cứu

#### \* ***Mục tiêu chung***

Trên cơ sở nghiên cứu về mặt lý luận kết hợp với việc phân tích thực trạng và xu hướng chuyển dịch cơ cấu lao động từ đó đánh giá quá trình chuyển dịch, rút ra kết luận làm cơ sở đề ra các biện pháp có hiệu quả thúc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động.

#### \* ***Mục tiêu cụ thể***

Chỉ ra nguyên nhân và đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm góp phần thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động trên địa bàn huyện Núi Thành đến năm 2015 và 2020.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### ***\* Đối tượng nghiên cứu***

Luận văn đi sâu nghiên cứu các vấn đề cơ cấu lao động, chuyển dịch cơ cấu lao động trong mối quan hệ với cơ cấu kinh tế theo ngành và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành.

#### ***\* Phạm vi nghiên cứu***

Luận văn tập trung vấn đề chuyển dịch cơ cấu theo ngành và từng nhóm ngành trên địa bàn huyện Núi Thành từ năm 2005 đến năm 2015.

### **4. Phương pháp nghiên cứu**

#### ***\* Phương pháp logic và lịch sử***

Chúng ta cần nghiên cứu kỹ điều kiện tự nhiên – xã hội, thực trạng về phát triển kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động trong 5 năm qua của huyện núi thành để làm cơ sở dự chuyển dịch cơ cấu lao động trong 5 năm tiếp theo.

#### ***\* Phương pháp thu thập tài liệu***

##### ***- Tài liệu thứ cấp***

Chúng tôi tiến hành thu thập những số liệu qua sách báo tham khảo của các tác giả trong và ngoài nước; các công trình nghiên cứu về chuyển dịch cơ cấu lao động, giải quyết việc làm cho người lao động.

##### ***- Thu thập số liệu sơ cấp***

Được thu thập chủ yếu thông qua kết quả điều tra lao động việc làm tại Phòng LĐ-TB&XH, các cơ sở đào tạo nghề của huyện.

**\* Phương pháp xử lý tài liệu**

Các số liệu thu thập được chúng tôi đưa vào máy vi tính để tổng hợp và hệ thống hoá lại những tiêu thức cần thiết, thể hiện bằng đồ thị.

**\* Phương pháp phân tích số liệu**

Sau khi thu thập được những số liệu cần thiết, để đánh giá thực trạng quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động giữa các ngành và nội bộ từng ngành, chúng tôi sử dụng các phương pháp sau:

- **Phương pháp thống kê phân tổ**

- **Phương pháp so sánh**

**5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn**

**\* Ý nghĩa khoa học**

Đề tài sẽ bổ sung cơ sở thực tiễn để đánh giá chung tình hình chuyển dịch cơ cấu lao động của địa phương trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

**\* Ý nghĩa thực tiễn**

Giải quyết vấn đề thực tiễn bức xúc đang đặt ra hiện nay ở huyện Núi Thành, kết quả nghiên cứu còn là tài liệu tham khảo cho các địa phương trên toàn tỉnh.

**6. Khái quát kết cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, luận văn có 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về cơ cấu lao động và chuyển dịch cơ cấu lao động

Chương 2: Thực trạng chuyển dịch cơ cấu lao động giai đoạn 2000–2010 và hướng chuyển dịch đến năm 2020 tại Núi Thành

Chương 3: Các giải pháp chuyển dịch cơ cấu lao động huyện Núi Thành trong thời gian đến.

## **Chương 1**

### **CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU LAO ĐỘNG**

#### **1.1. Lao động**

##### ***1.1.1. Khái niệm lao động***

Lao động là hoạt động quan trọng nhất của con người, tạo ra của cải vật chất và các giá trị tinh thần của xã hội.

##### ***1.1.2. Nguồn lao động***

Nguồn lao động là bộ phận dân số trong độ tuổi lao động theo qui định của pháp luật có khả năng lao động, có nguyện vọng tham gia lao động và những người ngoài độ tuổi lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế quốc doanh.

##### ***1.1.3. Lao động đang làm việc***

Là những người đang có việc làm để tạo ra thu nhập, thời gian làm việc chiếm nhiều thời gian nhất trong các công việc mà người đó tham gia.

##### ***1.1.4. Lao động trong độ tuổi***

Là những lao động trong độ tuổi theo qui định của Nhà nước có nghĩa vụ và quyền lợi đem sức lao động của mình làm việc cho xã hội.

##### ***1.1.5. Lao động ngoài độ tuổi***

Là những lao động chưa đến hoặc quá tuổi lao động.

#### **1.2. Cơ cấu lao động và chuyển dịch cơ cấu lao động**

##### ***1.2.1. Cơ cấu lao động***

Cơ cấu lao động là phạm trù kinh tế xã hội, phản ánh hình thức cấu tạo bên trong của tổng thể lao động, sự tương quan giữa các bộ phận và mối quan hệ giữa các bộ phận đó. Đặc trưng của cơ cấu lao động là mối quan hệ tỷ lệ về mặt số lượng và chất lượng lao

động theo những tiêu chí nhất định.

### **1.2.2. Chuyển dịch cơ cấu lao động**

#### *1.2.2.1. Khái niệm*

Chuyển dịch cơ cấu lao động là sự thay đổi tăng, giảm của từng bộ phận trong tổng thể lao động theo một khoảng thời gian nào đó. Còn chuyển dịch cơ cấu lao động là sự thay đổi trong quan hệ tỷ lệ, cũng như xu hướng vận động về lao động của các ngành diễn ra trong một không gian, thời gian và theo xu hướng nhất định.

#### *1.2.2.2. Mối quan hệ giữa chuyển dịch cơ cấu lao động và chuyển dịch cơ cấu theo ngành*

Chuyển dịch cơ cấu lao động là hệ quả tất yếu của chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành

Chuyển dịch cơ cấu lao động phải phù hợp với trình độ phát triển của cơ cấu kinh tế theo ngành

Chuyển dịch cơ cấu lao động tạo điều kiện thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành

#### *1.2.2.3. Nội dung chuyển dịch cơ cấu lao động*

- *Cơ sở lý thuyết*

Quy luật tăng năng suất lao động của A. Fisher.

Mô hình di cư của Todaro.

- *Nội dung chuyển dịch*

*Thứ nhất*, quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành là tất yếu do đó quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động cũng mang tính tất yếu.

*Thứ hai*, chuyển dịch cơ cấu theo ngành theo những xu hướng nhất định, do vậy nó quy định xu hướng chuyển dịch cơ cấu lao động.

### **1.2.3. Sự cần thiết phải chuyển dịch cơ cấu lao động ở các địa phương vùng duyên hải Miền trung và tỉnh Quảng Nam**

#### **1.2.3.1. Xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành và cơ cấu lao động của cả nước đến năm 2015 và năm 2020**

Phần đầu đạt tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân 7-8%/năm. Giá trị sản phẩm công nghiệp chế tạo chiếm khoảng 40% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp. Lao động qua đào tạo đạt trên 70%.

#### **1.2.3.2. Định hướng phát triển vùng duyên hải Miền Trung và tỉnh Quảng Nam**

### **1.3. Các tiêu chí đánh giá chuyển dịch cơ cấu lao động**

#### **1.3.1. Động thái thay đổi tỷ trọng lao động các ngành trong nền kinh tế**

Quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động được thể hiện thông qua việc biến đổi về tỷ trọng lao động của ngành này so với ngành khác và so với quy mô lao động của nền kinh tế theo thời gian.

#### **1.3.2. Tỷ lệ chuyển dịch cơ cấu lao động**

Sử dụng phương pháp Vector để lượng hóa và phân tích quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động, bằng cách tính hệ số Cos  $\phi$ :

$$\text{Cos } \phi = \frac{\sum_{i=1}^n S_i(t_0) \cdot S_i(t_1)}{\sqrt{\sum_{i=1}^n S_i^2(t_0) \cdot \sum_{i=1}^n S_i^2(t_1)}}$$

$S_i(t)$ : tỷ trọng ngành  $i$  tại thời điểm  $t$

$\phi$ : Là góc hợp bởi hai vector cơ cấu  $S(t_0)$  và  $S(t_1)$ . Khi đó  $\text{Cos } \phi$  càng lớn bao nhiêu thì các cơ cấu càng gần nhau bấy nhiêu và ngược lại. Khi  $\text{Cos } \phi = 1$  thì góc giữa hai vector này bằng 0 điều đó có nghĩa là hai cơ



cấu đồng nhất. Khi  $\text{Cos}\phi = 0$  thì góc giữa hai vector này bằng  $90^0$  và các vector cơ cấu là trực giao với nhau. Như vậy:  $0 \leq \phi \leq 90^0$

### ***1.3.3. Tương quan giữa chuyển dịch cơ cấu lao động và chuyển dịch cơ cấu kinh tế***

Chuyển dịch cơ cấu lao động gắn liền với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành kinh tế.

Bằng cách tính hệ số co giãn của lao động theo GTSX (e) ta có thể phân tích mối quan hệ giữa thay đổi GTSX với thay đổi lao động trong nền kinh tế.

$$e = \frac{l}{g}$$

Trong đó:

- e: hệ số co giãn của lao động theo GTSX
- l: tốc độ tăng trưởng lao động
- g: tốc độ tăng trưởng kinh tế

### ***1.3.4. Mối quan hệ giữa GTSX bình quân đầu người và cơ cấu lao động ngành***

Theo nghiên cứu của các nhà kinh tế, tồn tại mối quan hệ giữa GTSX bình quân đầu người và cơ cấu lao động tại các nước đang phát triển. GTSX bình quân đầu người càng cao thì cơ cấu lao động càng có sự thay đổi mạnh và sự thay đổi này theo hướng giảm tỷ trọng lao động ngành nông nghiệp và tăng tỷ trọng lao động ngành công nghiệp và dịch vụ.

## **1.4. Các nhân tố tác động đến quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động**

### ***1.4.1. Định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành kinh tế***

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành kinh tế và chuyển dịch cơ cấu lao động có mối liên hệ hữu cơ, chuyển dịch cơ cấu lao động vừa là đòi hỏi vừa là hệ quả của chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành kinh tế. Trong phần này chúng ta đề cập đến yếu tố định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành sẽ tác động như thế nào đến chuyển dịch cơ cấu lao động.

#### ***1.4.2. Quy mô và chất lượng nguồn nhân lực***

Không thể có sự chuyển dịch cơ cấu lao động khi mà quy mô nguồn nhân lực không đáp ứng được những đòi hỏi của cơ cấu kinh tế theo ngành kinh tế, nhân tố gần như là để đáp ứng nhất của hầu hết các nền kinh tế trên thế giới.

#### ***1.4.3. Sự phát triển của khoa học công nghệ***

Khoa học công nghệ không chỉ tạo ra các công cụ lao động mới mà cả phương pháp sản xuất mới, do đó mở ra khả năng mới về kết quả sản xuất và tăng năng suất lao động.

#### ***1.4.4. Quá trình đô thị hoá và công nghiệp hóa***

Theo lý thuyết của Todaro, quá trình đô thị hoá gắn liền với quá trình di dân từ nông thôn ra thành thị, quá trình di chuyển lao động từ khu vực nông nghiệp sang khu vực phi nông nghiệp. Việc di chuyển này trực tiếp làm giảm tỷ trọng lao động ngành nông nghiệp, tăng tỷ trọng lao động ngành công nghiệp và dịch vụ dẫn đến thay đổi cơ cấu lao động.

#### ***1.4.5. Chênh lệch thu nhập***

Thu nhập là có vai trò sống còn đối với người lao động. Nó là mục tiêu là động lực thúc đẩy người lao động trong quá trình sản xuất. Xu hướng chung của người lao động là tìm những công việc phù hợp và có thu nhập cao, do đó việc chênh lệch thu nhập giữa ngành này và

ngành khác là một trong những căn cứ quan trọng nhất để người lao động quyết định chọn một ngành để làm việc.

#### **1.4.6. Trình độ phát triển của thị trường lao động**

Một trong những đặc trưng của thị trường lao động đó là nơi mua bán hàng hóa sức lao động và cung, cầu lao động là những yếu tố quan trọng nhất trên thị trường lao động. Thị trường lao động có vai trò quan trọng thúc đẩy sự di chuyển lao động trong xã hội.

#### **1.4.7. Nhân tố hệ thống chính sách**

Nhà nước tác động vào quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động ngành thông qua hệ thống các chính sách: chính sách phát triển khoa học công nghệ; chính sách đầu tư mà đặc biệt là cơ cấu đầu tư; chính sách phát triển các ngành, chính sách phát triển nguồn nhân lực... Hệ thống các chính sách này đã tác động toàn diện đến quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động, vừa trực tiếp vừa gián tiếp.

### **1.5. Kinh nghiệm chuyển dịch cơ cấu lao động của Trung Quốc và Hàn Quốc**

#### **1.5.1. Chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn ở Trung Quốc**

**Bảng 1.1. Số lượng lao động được thu hút vào lĩnh vực phi nông nghiệp ở nông thôn Trung Quốc**

*ĐVT: triệu người*

<b>Năm</b>	<b>CN</b>	<b>Xây dựng</b>	<b>Vận tải</b>	<b>TM</b>	<b>T.cộng</b>
1978	19,800	2,690	1,185	1,642	25,317
1984	36,561	6,835	1,293	4,553	49,242
1985	41,367	7,900	1,142	16,858	67,267
1991	58,136	13,843	7,323	14,358	93,660
1992	63,364	15,407	7,969	16,523	103,26

*Nguồn: Báo cáo Green Report năm 1994*

**1.5.2. Chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn ở Hàn Quốc**

**1.5.3. Bài học về chuyển dịch cơ cấu lao động cho các địa phương ở Việt Nam**

## **Chương 2**

# **THỰC TRẠNG VỀ CƠ CẤU LAO ĐỘNG VÀ QUÁ TRÌNH CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU LAO ĐỘNG CỦA HUYỆN NÚI THÀNH**

## **2.1. Đặc điểm địa bàn của huyện Núi Thành**

### **2.1.1. Điều kiện tự nhiên**

#### **2.1.1.1. Vị trí địa lý**



*Bản đồ hành chính huyện Núi Thành*

#### **2.1.1.2. Đặc điểm địa hình, đất đai**

Tổng diện tích đất tự nhiên của huyện là 53.303 ha. Trong đó:

Địa hình huyện Núi Thành có độ nghiêng lớn từ tây nam sang đông bắc.

#### **2.1.1.3. Thời tiết, khí hậu**

### **2.1.2. Tình hình kinh tế xã hội**

#### **2.1.2.1. Quy mô và chất lượng lao động**

Tính đến cuối năm 2010 dân số trên địa bàn huyện Núi Thành là 148.487 người. Trong đó, số dân khu vực thành thị chiếm 6,93% .

Về quy mô lao động, đến cuối năm 2010 toàn tỉnh có 79.706 lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế quốc dân.

Tỷ lệ lao động được đào tạo nghề nghiệp và kỹ năng trong tổng lực lượng lao động còn rất thấp. Hơn nữa, cơ cấu đào tạo lực lượng lao động còn nhiều bất hợp lý, số này chủ yếu chỉ tập trung chủ yếu ở khu vực thành thị. Trong khi đó, lao động ngành nông nghiệp tỷ trọng lớn nhưng số lao động qua đào tạo lại rất thấp.

#### *2.1.2.2. Tốc độ tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế*

##### *- Tốc độ tăng trưởng kinh tế*

Từ khi tái lập huyện, tuy điểm xuất phát kinh tế thấp, cơ sở hạ tầng lạc hậu, kinh nghiệm quản lý còn non yếu nhưng kinh tế Núi Thành vẫn đạt được tốc độ tăng trưởng ở mức hai con số ( bình quân tăng 21,08%).

##### *- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành kinh tế*

Có thể khẳng định cơ cấu kinh tế theo ngành kinh tế của Núi Thành đã chuyển dịch theo hướng hợp lý trong những năm qua.

#### *2.1.2.3. Quá trình đô thị hóa*

Thị trấn Núi Thành đang trong quá trình xây dựng và phát triển đề nghị lên đô thị loại IV và chuyển thành thị xã. Các xã trong huyện đang được quy hoạch mở rộng, chất lượng đô thị đã được nâng lên một bước. Quá trình đô thị hóa diễn ra khá nhanh ở nhiều vùng nông thôn, các khu vực ven đường quốc lộ, tỉnh lộ, đặc biệt là các vùng nông thôn kinh tế phát triển.

#### *2.1.2.4. Sự phát triển của các cụm công nghiệp, khu công nghiệp*

Hiện tại trên địa bàn có 3 khu công nghiệp (KCN)

- + KCN Tam Hiệp với diện tích 357 ha
- + KCN và hậu cần cảng Tam Hiệp với diện tích 709 ha
- + KCN Tam Anh với diện tích 2.000ha

Tính đến 31/12/2010, có tổng số 68 dự án đã được cấp giấy phép đầu tư vào các KCN Núi Thành với tổng vốn đầu tư đăng ký 1.743,954 triệu USD. Tổng số lao động làm việc trong các khu công nghiệp vào khoảng 10.488 lao động, trong đó lao động địa phương chiếm 80%.

Huyện đã đầu tư xây dựng 2 cụm công nghiệp diêm là:

- + Cụm công nghiệp Trảng Tôn thu hút 1.250 lao động.
- + Cụm công nghiệp Nam Chu Lai thu hút gần 500 lao động.

### ***2.1.3. Kết luận rút ra từ nghiên cứu tổng quan về địa bàn***

Với vị trí, địa lý không gian thuận lợi như trên Núi Thành có tiềm lực to lớn cần được phát huy một cách triệt để nhằm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và thúc đẩy quá trình đô thị hoá của tỉnh. Xét trên khía cạnh cấu trúc hệ thống đô thị và các điểm dân cư của tỉnh thì các đô thị huyện Núi Thành sẽ dễ trở thành một hệ thống hoà nhập trong vùng ảnh hưởng của thành phố Đà Nẵng, Khu kinh tế Dung Quất và có vị trí tương tác nhất định với hệ thống đô thị chung toàn vùng kinh tế trọng điểm Miền trung.

## **2.2. Thực trạng chuyển dịch cơ cấu lao động từ 2005 - 2010**

### ***2.2.1. Thực trạng chuyển dịch cơ cấu lao động theo 3 nhóm ngành***

#### ***2.2.1.1. Động thái thay đổi tỷ trọng lao động của các ngành trong nền kinh tế***

**Bảng 2.2 Quy mô và cơ cấu lao động các ngành trong nền kinh tế***Đơn vị tính: Người*

	2005	2006	2007	2008	2009	2010
<b>Tổng</b>	<b>72009</b>	<b>72986</b>	<b>74266</b>	<b>76572</b>	<b>78176</b>	<b>79706</b>
<b>NN</b>	50105	50478	50290	50895	45082	42734
<b>%</b>	69,58	69,16	67,72	66,47	57,67	53,61
<b>CN</b>	9528	9349	12059	11080	19975	23172
<b>%</b>	13,23	12,81	16,23	14,47	25,55	29,07
<b>DV</b>	12376	13159	11917	14597	13119	13800
<b>%</b>	17,19	18,03	16,05	19,06	16,78	17,32

*Nguồn: Chi Cục Thống kê huyện Núi Thành 2005 – 2010*

### 2.2.1.2. Tương quan giữa chuyển dịch cơ cấu lao động và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành

Theo số liệu thống kê, tỷ trọng giá trị và tỷ trọng lao động của các ngành như sau:

**Bảng 2.3 Cơ cấu kinh tế theo ngành và cơ cấu lao động 2005 – 2010***Đơn vị tính: %*

Năm	2005	2006	2007	2008	2009	2010
<b>Cơ cấu kinh tế theo ngành</b>						
Nông nghiệp	43,78	34,48	31,82	27,15	24,45	22,77
Công nghiệp	41,02	47,25	50,97	58,6	59,79	60,2
Dịch vụ	15,2	18,27	17,21	14,25	15,76	17,03
<b>Cơ cấu lao động</b>						
Nông nghiệp	69,58	69,16	67,72	66,47	57,67	53,61
Công nghiệp	13,23	12,81	16,23	14,47	25,55	29,07
Dịch vụ	17,19	18,03	16,05	19,06	16,78	17,32

*Nguồn: Chi Cục Thống kê huyện Núi Thành 2005 – 2010*

Sử dụng phương pháp tính hệ số cơ giãn của lao động theo GTSX như đã nêu trên ta tính được hệ số cơ giãn của lao động theo GTSX qua các năm như sau:

**Bảng 2.4 Hệ số cơ giãn của lao động theo GTSX 2005 – 2010**

	<b>2005</b>	<b>2006</b>	<b>2007</b>	<b>2008</b>	<b>2009</b>	<b>2010</b>
Hệ số cơ giãn của lao động theo GTSX	0,090	0,092	0,095	0,126	0,074	0,079

*Nguồn: Tính Toán từ số liệu thống kê*

**2.2.1.3. Sự phù hợp giữa cơ cấu lao động và GTSX bình quân đầu người**

**2.2.2. Thực trạng chuyển dịch cơ cấu lao động trong nội bộ từng nhóm ngành**

**2.2.2.1. Ngành Nông nghiệp**

Cơ cấu lao động nội bộ ngành nông nghiệp giai đoạn 2005–2010 được thể hiện dưới Bảng sau:

**Bảng 2.5 Cơ cấu lao động ngành nông nghiệp từ 2005 – 2010**

*Đơn vị: Người*

	<b>2005</b>	<b>2006</b>	<b>2007</b>	<b>2008</b>	<b>2009</b>	<b>2010</b>
<b>Tổng</b>	<b>50105</b>	<b>50478</b>	<b>50290</b>	<b>50895</b>	<b>45082</b>	<b>42734</b>
<b>Nông nghiệp</b>	37717	37996	37559	37985	33832	28798
%	75,26	75,27	74,68	74,63	75,05	67,39
<b>Lâm nghiệp</b>	230	232	367	395	948	1071
%	0,47	0,46	0,73	0,78	2,10	2,51
<b>Thủy sản</b>	12158	12250	12364	12514	10302	12865
%	24,27	24,27	24,59	24,59	22,85	30,1

*Nguồn: Chi Cục Thống kê huyện Núi Thành 2005 – 2010*



### 2.2.2.2. Ngành Công nghiệp

Cơ cấu lao động nội bộ ngành công nghiệp giai đoạn 2005 – 2010 được thể hiện dưới Bảng sau:

Bảng 2.6 Cơ cấu lao động ngành công nghiệp 2005 – 2010

*Đơn vị: Người*

<b>Năm</b>	<b>2005</b>	<b>2006</b>	<b>2007</b>	<b>2008</b>	<b>2009</b>	<b>2010</b>
<b>Tổng</b>	<b>9528</b>	<b>9349</b>	<b>12059</b>	<b>11080</b>	<b>19975</b>	<b>23172</b>
CN chế biến	1263	1293	1316	1325	1430	1344
%	13,26	13,83	10,91	11,56	7,16	5,8
Xây dựng	1122	1130	1691	2054	1656	1812
%	11,78	12,09	14,23	18,54	8,29	7,82
CN khai thác; CN SX	7143	6926	9052	7701	16889	20016
%	74,96	74,08	74,86	69,90	84,55	86,38

*Nguồn: Chi cục Thống kê huyện Núi Thành 2005 – 2010*

### 2.2.2.3. Ngành Dịch vụ

Cơ cấu lao động nội bộ ngành dịch vụ giai đoạn 2005 – 2010 được thể hiện dưới Bảng sau:

Bảng 2.7 Cơ cấu lao động ngành dịch vụ 2005 – 2010

*Đơn vị: Người*

	<b>2005</b>	<b>2006</b>	<b>2007</b>	<b>2008</b>	<b>2009</b>	<b>2010</b>
	<b>12376</b>	<b>13159</b>	<b>11917</b>	<b>14597</b>	<b>13119</b>	<b>13800</b>
Nhóm I	7938	8596	7695	10110	8947	9446
%	64,14	65,29	64,57	69,26	68,2	68,45
Nhóm II	3726	3834	3504	3724	3430	3603
%	30,11	29,17	29,4	25,51	26,14	26,11
Nhóm III	712	729	718	763	742	751
%	5,75	5,54	6,03	5,23	5,66	5,44

*Nguồn: Chi Cục Thống kê huyện Núi Thành*

### 2.3. Thực trạng đào tạo nghề cho chuyển dịch cơ cấu lao động

Tỷ lệ lao động được đào tạo ở huyện Núi Thành cao hơn mức bình quân chung của tỉnh. Số lao động chưa qua đào tạo đang hoạt động trong các ngành kinh tế chiếm tỷ lệ 67,2%; Số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế năm 2010 đã qua đào tạo là: ngành nông lâm, ngư nghiệp chiếm tỷ lệ 7,12%; ngành công nghiệp-xây dựng: chiếm tỷ lệ 85,7%; ngành dịch vụ: chiếm tỷ lệ 13,31%

Bảng 2.8 Lao động đã qua đào tạo thời kỳ 2005-2010

*Đơn vị tính: %*

	2005	2006	2007	2008	2009	2010
Đã qua đào tạo nghề	23,5	25,7	26,77	28,65	30,5	32,8

*Nguồn: UBND huyện Núi Thành năm 2010*

Như vậy, năm 2010 số người chưa được đào tạo còn rất cao chiếm 67,2% lực lượng lao động của huyện. Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo chuyên môn kỹ thuật tuy có tăng qua các năm nhưng vẫn chiếm tỷ lệ rất thấp: 32,8% (năm 2010).

### 2.4. Thực trạng về XKLD

Lao động Núi Thành sang làm việc ở các nước chưa nhiều, tập trung tại thị trường Malaysia, Hàn Quốc, Nhật Bản. Hầu hết lao động Núi Thành đi làm việc ở nước ngoài là lao động phổ thông hoặc có trình độ chuyên môn kỹ thuật thấp. Huyện Núi Thành đang thiếu lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, nhiều nghề và công việc phải thuê lao động nước ngoài.

### 2.5. Thực trạng về thị trường lao động

#### 2.5.1. Đánh giá thực trạng cung lao động

#### 2.5.2. Đánh giá thực trạng cầu lao động

### **2.5.3. Đánh giá khái quát quan hệ lao động và thực trạng tiền lương, tiền công (giá cả lao động)**

*2.5.3.1. Sự biến động tiền lương, thu nhập của người lao động trên thị trường lao động ở huyện*

*2.5.3.2. Quan hệ lao động và tranh chấp lao động về tiền lương, tiền công*

### **2.5.4. Đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống giao dịch kết nối cung - cầu lao động trên thị trường lao động**

## **2.6. Thực trạng về hệ thống chính sách**

*2.6.1. Về cơ chế khuyến khích đầu tư*

*2.6.2. Về cơ chế khuyến khích đào tạo nghề*

UBND tỉnh Quảng Nam đã ra quyết định số 494/QĐ-UBND ngày 15/02/2011 về ban hành Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2011-2020.

## **Chương 3**

### **MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU LAO ĐỘNG CỦA HUYỆN NÚI THÀNH**

#### **3.1. Định hướng chuyển dịch cơ cấu lao động trên địa bàn huyện Núi Thành đến năm 2015**

*3.1.1. Căn cứ chuyển dịch chuyển dịch cơ cấu lao động đến năm 2015*

*3.1.1.1. Định hướng và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội*

Theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Núi Thành lần thứ XX : phấn đấu đến năm 2015 Núi Thành cơ bản trở thành huyện công nghiệp theo hướng hiện đại.

*3.1.1.2. Định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành kinh tế*

Phấn đấu đến năm 2015 tỷ trọng GTSX những ngành phi nông

nghiệp chiếm trên 94% so với tổng GTSX của các ngành.

### **3.1.1.3. Định hướng chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành kinh tế**

- *Đối với ngành công nghiệp*: tăng bình quân hàng năm từ 40 – 45%.

- *Đối với ngành dịch vụ*: tăng bình quân hàng năm từ 25– 30%.

- *Đối với ngành nông, lâm, ngư nghiệp*: tăng bình quân hàng năm từ 6,5– 7%.

### **3.1.2. Định hướng chuyển dịch cơ cấu lao động đến năm 2015**

#### **3.1.2.1. Định hướng chung**

Chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng giảm tỷ trọng lao động trong ngành nông nghiệp tăng tỷ trọng lao động trong ngành công nghiệp và dịch vụ; gắn liền với chuyển dịch cơ cấu lao động trong nội bộ ngành. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động ngành nông nghiệp, từng bước di chuyển lao động của ngành này sang các ngành công nghiệp và dịch vụ.

#### **3.1.2.2. Định hướng phát triển thị trường lao động**

*Thứ nhất*, Môi trường, các thể chế kinh tế và các yếu tố thị trường được tạo lập tương đối đồng bộ sẽ thuận lợi hơn trong nền kinh tế thị trường phát triển dựa trên cơ sở đa sở hữu, đa thành phần kinh tế, đa hình thức sản xuất kinh doanh và trong điều kiện hội nhập quốc tế.

*Thứ hai*, TTLĐ khu vực chính thức có xu hướng phát triển mạnh, nhất là ở các đô thị lớn, các vùng kinh tế trọng điểm.

*Thứ ba*, Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua đẩy mạnh giáo dục, đào tạo, dạy nghề theo nhu cầu của xã hội, của TTLĐ.

*Thứ tư*, TTLĐ vận động hiệu quả bảo đảm sự tự do lựa chọn việc làm và tự do di chuyển lao động tìm việc làm, xoá bỏ các rào cản hành chính, chia cắt TTLĐ.

*Thứ năm*, Hệ thống an sinh xã hội (đặc biệt là BHXH bắt buộc, BHXH tự nguyện, BHYT, BH thất nghiệp, BH tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp) tiến tới đa tầng, linh hoạt và có khả năng hỗ trợ lẫn nhau, góp phần phòng ngừa và khắc phục rủi ro xã hội trong kinh tế thị trường, làm cho hoạt động của TTLĐ trở nên an toàn và hiệu quả hơn.

### *3.1.2.3. Mục tiêu*

*- Đối với ngành công nghiệp*

Tỷ trọng lao động trong công nghiệp – xây dựng tăng lên từ 29,07% năm 2010 lên khoảng 40% trong tổng lực lượng lao động.

*- Đối với ngành dịch vụ*

Tỷ trọng lao động trong dịch vụ - thương mại tăng từ 17,42% năm 2010 lên khoảng 25%.

*- Đối với ngành nông, lâm, ngư nghiệp*

Tỷ trọng lao động trong nông – lâm – ngư nghiệp giảm từ 53,61% năm 2010 xuống còn 35%.

## **3.2. Các giải pháp nhằm chuyển dịch cơ cấu lao động**

### **3.2.1. Phát triển các ngành thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu lao động**

#### *3.2.1.1. Đầu tư phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp*

Phát triển các KCN dựa trên các tiêu chí cụ thể mang tính khoa học

Phát triển các KCN, CCN gắn liền với phát triển đô thị, trung tâm thương mại - dịch vụ, trung tâm đào tạo, khu vui chơi giải trí

Tiếp tục mở rộng các KCN, CCN đã có

Khắc phục những khó khăn và hạn chế trong phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

### *3.2.1.2. Phát triển mạnh các ngành thương mại - dịch vụ*

Khuyến khích đầu tư phát triển các ngành dịch vụ có khả năng thu hồi vốn nhanh như du lịch, dịch vụ tài chính, ngân hàng, vận tải, bưu chính viễn thông. Phát huy mọi nguồn lực của Nhà nước và xã hội để phát triển và nâng cao chất lượng các dịch vụ đáp ứng sự phát triển nhằm phục vụ cho nhu cầu giáo dục, y tế và thể thao. Mở rộng các dịch vụ phục vụ đời sống công cộng và sinh hoạt gia đình. Phát triển thương mại, cả nội thương và ngoại thương, đa dạng hóa các loại hình dịch vụ, đa dạng hóa thị trường, nâng cao chất lượng các hoạt động dịch vụ. Tăng nhanh lưu thông hàng hoá nhất là mạng lưới tiêu thụ hàng hóa ở các vùng sâu vùng xa và các vùng đặc biệt khó khăn. Mở rộng thị trường nông thôn tạo sự liên kết chặt chẽ giữa các vùng trong tỉnh. Phát triển các điểm du lịch, xây dựng các dự án đầu tư theo quy hoạch, sớm hình thành các khu du lịch tâm cổ của tỉnh, cải thiện cơ sở hạ tầng đến các điểm du lịch tham quan. Phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải, dịch vụ bưu chính, viễn thông, tin học.

### *3.2.1.3. Nâng cao năng suất lao động trong nông nghiệp*

Việc nâng cao năng suất lao động trong nông nghiệp có ý nghĩa rất quan trọng. Để tăng năng suất lao động trong nông nghiệp cần thực hiện hai biện pháp cơ bản như sau:

Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất nông nghiệp.

Nâng cao trình độ chuyên môn cho lao động nông nghiệp

### **3.2.2. Đào tạo nghề cho người lao động**

Với quy mô như hiện nay và theo kết quả dự báo đến năm 2020, nguồn nhân lực của Núi Thành có thể đáp ứng tốt yêu cầu về số lượng lao động cho quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành kinh tế. Do vậy, vấn đề đặt ra là phải nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, để giải quyết vấn đề này cần thiết phải có giải pháp đào tạo nghề cho người lao động:

*3.2.2.1. Thực hiện phổ cập trung học cơ sở và phát triển giáo dục trung học phổ thông*

*3.2.2.2. Phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp THCS và THPT*

*3.2.2.3. Xây dựng và thực hiện quy hoạch mạng lưới đào tạo nghề và kế hoạch đào tạo nghề*

*3.2.2.4. Đổi mới nội dung, chương trình đào tạo nghề*

*3.2.2.5. Tăng cường đầu tư vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở dạy nghề*

*3.2.2.6. Gắn đào tạo nghề với giải quyết việc làm*

*3.2.2.7. Tăng cường công tác tuyên truyền về đào tạo nghề*

*3.2.2.8. Kiểm định chất lượng đào tạo nghề*

### **3.2.3. Phát triển nhanh thị trường lao động trên địa bàn huyện**

*3.2.3.1. Hoàn thiện thể chế thị trường lao động, tạo khung pháp lý cho thị trường lao động phát triển mạnh và hoạt động có hiệu quả*

*3.2.3.2. Huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh tạo cầu lao động, nhất là những ngành, lĩnh vực có ưu thế và có khả năng thu hút nhiều lao động*

*3.2.3.3. Phát triển hệ thống giao dịch gắn kết cung - cầu của thị trường lao động*

### **3.2.4. Giải quyết việc làm cho lao động trong khu vực có đất thu hồi**

Một trong những vấn đề then chốt trong chuyển dịch cơ cấu

lao động đặc biệt là chuyển dịch cơ cấu lao động ở khu vực nông thôn đó là di chuyển lao động từ ngành nông nghiệp sang ngành công nghiệp và dịch vụ. Một trong những hệ quả của phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đó là tình trạng dư thừa lao động ở khu vực nông thôn, đặc biệt là những khu vực có đất thu hồi. Giải quyết việc làm cho người lao động ở những nơi có đất thu hồi là yêu cầu khách quan và bức xúc. Một mặt, khắc phục những tác động tiêu cực đến xã hội; mặt khác, đây cũng chính là điều kiện quyết định cho quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động ở các địa phương nói riêng và của tỉnh nói chung.

### ***3.2.5. Tăng cường XKLD***

XKLD ra nước ngoài vừa có ý nghĩa trong việc tăng thu nhập cho người dân, vừa có ý nghĩa trong việc giải quyết việc làm chuyển dịch cơ cấu lao động. Về cơ bản, đối tượng tham gia XKLD chủ yếu là người lao động hoạt động trong khu vực nông nghiệp. Vì vậy, XKLD trực tiếp tác động đến lao động của ngành nông nghiệp mà cụ thể là rút bớt lao động của ngành này từ đó có tác dụng làm giảm tỷ trọng lao động của ngành này trong nền kinh tế.



## KẾT LUẬN

Chuyển dịch cơ cấu lao động kinh tế là yếu tố quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế xã hội. Trong những năm qua, đảng bộ và chính quyền huyện Núi Thành đã có nhiều chủ trương, biện pháp đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động. Mặc dù đã gặt hái được những thành công nhất định, song quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động vẫn còn nhiều bất cập, tác động không tốt đến quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành kinh tế của tỉnh. Với nghiên cứu : **“Các giải pháp chuyển dịch cơ cấu lao động trên địa bàn huyện Núi Thành”**, luận văn đã góp phần làm rõ một số vấn đề sau:

Luận văn đã hệ thống hoá những vấn đề có tính chất lý luận và phương pháp luận về chuyển dịch cơ cấu lao động: các khái niệm, mối quan hệ biện chứng giữa chuyển dịch cơ cấu lao động và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành; các nhân tố tác động, xu hướng và phương pháp luận đánh giá quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động.

Bằng việc sử dụng các tư liệu, số liệu đáng tin cậy kết hợp với các công cụ phân tích thống kê, trên cơ sở vận dụng hệ thống lý luận, Luận văn đã phân tích thực trạng, tổng kết các thành tựu và hạn chế, đồng thời chỉ ra nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trong quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động ở Núi Thành giai đoạn 2005 – 2010.

Từ việc phân tích thực trạng, Luận văn đã đưa ra những kết luận quan trọng về quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động của huyện Núi Thành giai đoạn 2015 – 2010:

*Thứ nhất*, quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động khá phù hợp với chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành. *Thứ hai*, với mức GTSX bình quân đầu người như hiện nay thì cơ cấu lao động còn có điểm

bất hợp lý. *Thứ ba*, quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động diễn ra tương đối nhanh, sự thay đổi tỷ trọng lao động của các ngành tương đối lớn nhưng tỷ trọng lao động ngành nông nghiệp vẫn chiếm quá lớn chứng tỏ cơ cấu lao động của Núi Thành vẫn ở trình độ thấp và lạc hậu.